TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG - KHÓA 2020

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																					TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH82003709	Bùi Thế	Anh	D20_XD01																6.00	5.21		6.22	4.76		5.52	78/94	31/38				DAT	DH20
2	DH82002089	Nguyễn Nhật	Duy	D20_XD01																6.41	6.13		6.61	5.00		6.01	79/94	33/38				DAT	DH20
3	DH82000207	Võ Hải	Đăng	D20_XD01																6.27	6.04		7.13	5.28		6.16	81/94	34/38				DAT	DH20
4	DH82003406	Ngô Hoàng	Hà	D20_XD01																6.45	5.96		7.30	5.60		6.31	84/94	35/38				DAT	DH20
5	DH82003400	Nguyễn Hoàng	Hảo	D20_XD01																5.91	5.71		6.65	5.32	8.00	6.01	78/94	33/38				DAT	DH20
6	DH82003586	Ng Hoàng Trung Hiền	Hậu	D20_XD01																3.82	5.29		6.35	5.08		5.15	70/94	28/38				DAT	DH20
7	DH82002028	Lê Bá	Hồng	D20_XD01																5.91	5.21		5.96	3.80		5.18	70/94	28/38				DAT	DH20
8	DH82003179	Hồ Nguyễn Tường	Huy	D20_XD01																5.86	5.75		6.22	5.08	3.29	5.74	74/94	32/38				DAT	DH20
9	DH82003093	Hồ Phát	Huy	D20_XD01																6.05	5.21		6.43	4.56		5.53	76/94	30/38				DAT	DH20
10	DH82000786	Dương Võ Duy	Khánh	D20_XD01																6.05	6.04		7.09	5.40		6.13	83/94	34/38				DAT	DH20
11	DH82003529	Nguyễn Lê Nhật	Khánh	D20_XD01																6.86	5.83		7.13	4.96		6.16	77/94	32/38				DAT	DH20
12	DH82003441	Bùi Thế	Khoa	D20_XD01																5.68	5.79		6.09	5.28		5.70	80/94	32/38				DAT	DH20
13	DH82000367	Nguyễn Minh	Khôi	D20_XD01																6.59	5.63		7.13	6.60		6.48	83/94	35/38				DAT	DH20
14	DH82002131	Nguyễn Minh	Mẫn	D20_XD01																4.59	5.42		3.48	3.96	4.00	4.49	51/94	21/38				DAT	DH20
15	DH82000079	Nguyễn Gia	Minh	D20_XD01																6.41	5.75		5.70	5.08		5.71	82/94	33/38				DAT	DH20
16	DH82000954	Đặng Văn	Nghĩa	D20_XD01																6.73	6.38		6.09	4.59		5.96	73/94	30/38				DAT	DH20
17	DH82003043	Châu Trọng	Nhân	D20_XD01																6.27	5.58		6.96	6.00		6.19	88/94	36/38				DAT	DH20
18	DH82002908	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	D20_XD01																7.05	5.17		6.43	5.92		6.12	83/94	35/38				DAT	DH20
19	DH82003565	Đoàn Minh	Phát	D20_XD01																6.27	6.33		6.35	4.96	8.00	6.09	74/94	31/38				DAT	DH20
20	DH82002047	Nguyễn Hoàng	Phi	D20_XD01																4.82	5.63		6.87	4.48	2.00	5.44	69/94	30/38				DAT	DH20
21	DH82001375	Trần Hoàng Việt	Phong	D20_XD01																5.91	5.71		6.09	5.84		5.88	75/94	32/38				DAT	DH20
22	DH82000642	Trần Hồng	Quân	D20_XD01																5.91	5.08	4.00	5.52	4.20		5.18	69/94	27/38				DAT	DH20
23	DH82003553	Ngô Thái	Quốc	D20_XD01																6.50	6.25		7.17	5.92		6.45	94/94	38/38				DAT	DH20
24	DH82002576	Trương Đỗ	Quyên	D20_XD01																5.18	6.04		5.96	4.68		5.46	72/94	31/38				DAT	DH20
25	DH82000618	Vũ Văn	Quyền	D20_XD01																5.68	5.13	4.00	4.43	4.76	4.00	4.99	65/94	27/38				DAT	DH20
26	DH81904444	Nguyễn Hoàng	Thái	D20_XD01													3.59	3.79	0.67	4.00	1.61			3.20	4.00	3.71	38/94	18/38	CCHV_3			CCHV	DH19
27	DH82003608	Trần Quốc	Thái	D20_XD01																6.50	6.38		5.96	5.40		6.04	77/94	32/38				DAT	DH20
28	DH82003123	Trương Quốc	Thái	D20_XD01																5.45	4.25		5.61	4.00		4.80	54/94	22/38				DAT	DH20
29	DH82003767	Bá Đại Trung	Thành	D20_XD01																5.68	5.92		7.57	4.68		5.94	81/94	34/38				DAT	DH20
30	DH82000097	Lê Võ Minh	Thiện	D20_XD01																6.73	6.75		7.09	6.60		6.79	88/94	36/38				DAT	DH20
31	DH82001891	Dương Bảo	Thiệp	D20_XD01																4.82	3.50		6.57	2.40		4.27	45/94	19/38	CCHV_1		KoDKMH	DC	DH20
32	DH82002116	Võ Minh	Thuận	D20_XD01																6.86	5.96		7.30	5.60		6.40	84/94	34/38				DAT	DH20

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG - KHÓA 2020

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																					TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
33	DH82000502	Huỳnh Hữu	Tính	D20_XD01																6.18	5.83		6.65	4.28		5.70	77/94	32/38				DAT	DH20
34	DH82003599	Nguyễn Lê Thị Đoan	Trang	D20_XD01																6.45	5.38		7.04	4.92		5.91	79/94	33/38				DAT	DH20
35	DH82002434	Hồ Thị Bích	Trâm	D20_XD01																6.55	6.13		6.52	5.60		6.18	88/94	36/38				DAT	DH20
36	DH82002987	Nguyễn Ngọc	Văn	D20_XD01																6.05	6.17		6.83	4.76		5.93	77/94	31/38				DAT	DH20
37	DH82003915	Đặng Minh	Châu	D20_XD02																5.27	5.67	6.00	5.57	5.36		5.66	80/94	33/38				DAT	DH20
38	DH82004522	Từ Thừa	Chí	D20_XD02																6.27	6.21	6.00	6.61	6.68		6.49	94/94	38/38			KoDKMH	DC	DH20
39	DH82001516	Bùi Thanh	Danh	D20_XD02																5.27	4.54	8.00	5.22	4.04		5.02	63/94	26/38				DAT	DH20
40	DH82004746	Thái Huy	Dũng	D20_XD02																5.82	6.63	5.20	7.00	6.40	10.00	6.72	94/94	38/38				DAT	DH20
41	DH82004406	Nguyễn Văn út	Em	D20_XD02																5.82	7.08	7.14	7.22	6.36		6.86	94/94	38/38				DAT	DH20
42	DH82006525	Nguyễn Trung	Hậu	D20_XD02																6.14	7.00	6.00	7.70	6.68		6.99	91/94	37/38				DAT	DH20
43	DH82004742	Trần Quang	Hậu	D20_XD02																5.18	3.92	6.00	3.85	3.92		4.27	44/94	19/38				DAT	DH20
44	DH82006532	Trịnh Lý	Hùng	D20_XD02																5.09	5.50	6.00	6.15	4.60		5.36	67/94	28/38				DAT	DH20
45	DH82004177	Từ Đạt	Huy	D20_XD02																2.64	1.25		4.00	0.08		1.87	16/94	9/38	CCHV_1			CCHV	DH20
46	DH82004100	Cao Nam	Khánh	D20_XD02																4.50	3.38		2.25	0.94	1.71	2.90	17/94	10/38	CCHV_2			CCHV	DH20
47	DH82006539	Nguyễn Phúc Minh	Khoa	D20_XD02																5.55	5.54	5.67	5.87	3.76		5.30	75/94	30/38				DAT	DH20
48	DH82006542	Võ Thanh	Lộc	D20_XD02																8.41	8.50		8.39	8.80		8.53	94/94	38/38				DAT	DH20
49	DH82004755	Võ Thành	Lộc	D20_XD02																4.68	4.96		1.55	3.77		3.82	37/94	15/38	CCHV_2			CCHV	DH20
50	DH82004539	Hà Nhật	Minh	D20_XD02																4.36	4.50	4.67	5.39	3.08	0.00	4.48	48/94	21/38	CCHV_1	NoHP		DC	DH20
51	DH82006544	Lê Thị Kiều	My	D20_XD02																6.27	5.83	6.00	6.48	5.44		6.03	84/94	35/38				DAT	DH20
52	DH82004148	Võ Trung	Nam	D20_XD02																5.86	5.75	6.00	5.85	5.12		5.67	78/94	32/38				DAT	DH20
53	DH82004736	Phan Thanh	Nhàn	D20_XD02																3.86	4.42	5.67	3.45	0.32		3.16	37/94	15/38	CCHV_2		KoDKMH	DC	DH20
54	DH82006550	Nguyễn Minh	Phúc	D20_XD02																4.73	4.88		5.05	4.16		4.68	58/94	23/38				DAT	DH20
55	DH82004051	Nguyễn Nhật Trường	Phước	D20_XD02																6.45	6.08		6.87	6.28		6.49	89/94	36/38				DAT	DH20
56	DH82007215	Trần Minh	Quân	D20_XD02																5.45	6.13	7.00	5.87	5.00		5.86	78/94	32/38				DAT	DH20
57	DH82004118	Lê Phạm Tấn	Tài	D20_XD02																7.00	7.17		7.13	7.32		7.16	94/94	38/38				DAT	DH20
58	DH82003508	Phạm Quyết	Thắng	D20_XD02																5.23	5.50	5.67	6.25	3.76		5.25	68/94	26/38				DAT	DH20
59	DH82006557	Nguyễn Hồ Thanh	Thiện	D20_XD02																5.18	5.54		5.16	3.60		4.83	53/94	23/38				DAT	DH20
60	DH82004674	Lê Công	Thịnh	D20_XD02																3.77	4.50		2.87	0.00		2.73	23/94	10/38	CCHV_2	NoHP	KoDKMH	DC	DH20
61	DH82004484	Phạm Hồ Bảo	Tiến	D20_XD02																4.82	5.58	6.67	6.50	4.60		5.64	78/94	32/38				DAT	DH20
62	DH82006562	Lương Huỳnh Đình	Trung	D20_XD02																5.14	4.38		3.75	2.59		3.99	27/94	13/38	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH20
63	DH82004811	Nguyễn Như	Trường	D20_XD02																4.36	4.21	2.00	4.21	3.24		4.08	30/94	13/38	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH20
64	DH82004040	Nguyễn Ngọc	Tuấn	D20_XD02																4.14	2.96		3.78	3.55		3.59	23/94	11/38	CCHV_2			CCHV	DH20

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021 - 2022

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG - KHÓA 2020

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																					TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 2 (2021 - 2022)				KHÓA TUYỂN SINH
					151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	192	193	201	202	203	211	212	213	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
65	DH82006564	Nguyễn Minh	Việt	D20_XD02																3.50	2.67	2.33	5.26	3.00		3.94	35/94	16/38	CCHV_1			CCHV	DH20

Lưu ý:

- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/08/2022 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).

- Phòng Đào tạo nhận đơn và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Hai, ngày 22/08/2022 đến hết Thứ Sáu, ngày 26/08/2022. Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú:

Cột (C01) đến cột (C21):
- Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:

151	năm học 2015 - 2016 học kỳ 1
152	năm học 2015 - 2016 học kỳ 2
153	năm học 2015 - 2016 học kỳ hè
161	năm học 2016 - 2017 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy

Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện

Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Qui ước:

[1] NoHP:	Nợ học phí	[7] DC:	Đình chỉ học tập
[2] KoDKMH:	Không đăng ký môn học	[8] TH_QHAN:	Xóa tên vì hết thời gian học tập
[3] CCHV:	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	[9] NGHIHOC:	Nghỉ học vì lý do cá nhân
[4] BTH:	Buộc thôi học	[10] TDUNG:	Tạm dừng vì lý do cá nhân
[5] CB_BTH:	Cảnh báo buộc thôi học	[11] DC & CB_TGIAN:	Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[6] CB_TGIAN:	Cảnh báo hết thời gian học tập	[12] DAT	Đạt

Tp. HCM, ngày 22 tháng 08 năm 2022

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**